

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP THI CHUYÊN ĐỔI MÔN – NĂM 2024

1. Yêu cầu bắt buộc:

- Học sinh tự chuẩn bị sách giáo khoa môn Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (Chân trời sáng tạo).
- Giới hạn ôn tập: Bài 15, 16, 17, 18, 19, 20
- Học sinh tự nghiên cứu toàn bộ các bài đã giới hạn, nắm vững nội dung kiến thức cơ bản (lý thuyết) nằm ngay trong sách giáo khoa.
- Luyện tập trắc nghiệm (câu trắc nghiệm có sẵn đáp án, học sinh nên copy file, xóa đáp án để tự luyện tập)
- Hình thức bài thi: Trắc nghiệm và Tự luận
- Cấu trúc đề thi:
 - + Phần trắc nghiệm: 28 câu (7.0 điểm)
 - + Phần tự luận: phân tích 2 tình huống giả định (3.0 điểm)

Lưu ý: để giải quyết tình huống, học sinh phải nắm vững được kiến thức cơ bản để xác định vấn đề, suy luận và đưa ra câu trả lời chính xác nhất.

2. Câu trắc nghiệm tham khảo

BÀI 15 – TÒA ÁN NHÂN DÂN, VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

Câu 1: Cơ quan nào ở nước ta thực hiện quyền tư pháp?

- A. Quốc Hội
- B. Toà án nhân dân
- C. Ủy ban nhân dân
- D. Thủ tướng chính phủ

Câu 2: Toà án nhân dân là cơ quan xét xử của nước ta và thực hiện quyền

- A. Tư pháp
- B. Lập pháp
- C. Hành pháp
- D. Chỉ đề xử lý dân sự

Câu 3: Cơ quan có thẩm quyền xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A. Tòa án nhân dân.
- B. Viện kiểm sát nhân dân.
- C. Hội đồng nhân dân.
- D. Ủy ban nhân dân.

Câu 4: Đây là cơ quan tiến hành xét xử các vụ án các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính để bảo vệ công lí, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, là thẩm quyền của cơ quan nào dưới đây?

- A. Tòa án nhân dân.
- B. Viện kiểm sát nhân dân.
- C. Hội đồng nhân dân.
- D. Ủy ban nhân dân.

Câu 5: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện đặc điểm hoạt động của TAND?

- A. TAND xét xử công khai
- B. TAND xét xử tập thể
- C. TAND có thể xét xử kín.
- D. TAND xét xử theo ý kiến nhân dân.

Câu 6: Xét về mặt tổ chức, tòa án nhân dân không có cơ quan nào dưới đây?

- A. Tòa án nhân dân tối cao.
- B. Tòa án nhân dân cấp cao.
- C. Tòa án quân sự trung ương.
- D. Tòa án nhân dân cấp xã, phường

Câu 7: Xét về mặt tổ chức, tòa án nhân dân không có cơ quan nào dưới đây?

- A. Tòa án quân sự cấp quân khu.
- B. Tòa án quân sự khu vực.
- C. Tòa án quân sự trung ương.
- D. Tòa án quân sự cấp huyện.

Câu 8: Chánh án tòa án nhân dân tối cao do cơ quan nào bầu hoặc phê chuẩn?

- A. Quốc hội.
- B. Chính phủ.
- C. Tòa án.
- D. Viện kiểm sát

Câu 9: Theo quy định của pháp luật, chủ thể nào dưới đây có thẩm quyền đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Chánh án tòa án nhân dân tối cao?

A. Thủ tướng chính phủ.

C. Tổng bí thư.

B. Chủ tịch nước.

D. Chủ tịch Quốc hội.

Câu 10: Trong quá trình xét xử các vụ án, tòa án nhân dân làm việc độc lập và chỉ

A. tuân theo pháp luật.

B. tuân theo chánh án chỉ đạo.

C. tuân theo Chủ tịch nước.

D. Tuân theo Quốc hội.

Câu 11: Theo quy định của pháp luật, về mặt tổ chức Tòa án nhân dân được chia thành 4 cấp gồm

A. Tối cao, cấp cao, cấp tỉnh, huyện.

B. Tối cao, cấp tỉnh, huyện, cấp xã

C. Cấp cao, cấp tỉnh, huyện, cấp xã

D. Tối cao, cấp cao, trung ương, cấp tỉnh.

Câu 12: Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao là cơ quan thường trực của cơ quan nào dưới đây?

A. Tòa án nhân dân tối cao.

B. Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

C. Tòa án nhân dân cấp huyện.

D. Tòa án quân sự khu vực.

Câu 13: Việc các cơ quan tư pháp thay mặt nhà nước tiến hành việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội là thực hiện chức năng nào dưới đây?

A. Thực hành quyền công tố.

B. Thực hành quyền công khai.

C. Thực hành ý chí người đứng đầu.

D. Kiểm sát hoạt động tư pháp.

Câu 14: Theo quy định của pháp luật, việc các cơ quan tư pháp tiến hành hoạt động khởi tố vụ án là đang thực hiện chức năng nào dưới đây?

A. Thực hành quyền công tố.

B. Kiểm tra hoạt động tư pháp.

C. Kiểm tra hành chính nhà nước.

D. Thực hành quyền hành pháp.

Câu 15: Theo quy định của pháp luật, việc các cơ quan tư pháp tiến hành hoạt động khởi tố bị can là đang thực hiện chức năng nào dưới đây?

A. Thực hành quyền công tố.

B. Kiểm tra hoạt động tư pháp.

C. Kiểm tra hành chính nhà nước.

D. Thực hành quyền hành pháp.

Câu 16: Theo quy định của pháp luật, việc các cơ quan tư pháp tiến hành truy tố bị can ra trước tòa là thực hiện chức năng nào dưới đây?

A. Thực hành quyền công tố.

B. Kiểm tra hoạt động tư pháp.

C. Kiểm tra hành chính nhà nước.

D. Thực hành quyền hành pháp.

Câu 17: Khởi tố vụ án là hoạt động tư pháp của cơ quan nào dưới đây?

A. Viện kiểm sát nhân dân.

B. Tòa án nhân dân.

C. Ủy ban nhân dân.

D. Hội đồng nhân dân.

Câu 18: Khởi tố bị can là hoạt động tư pháp của cơ quan nào dưới đây?

A. Viện kiểm sát nhân dân.

B. Tòa án nhân dân.

C. Ủy ban nhân dân.

D. Hội đồng nhân dân.

Câu 19: Truy tố bị can ra trước tòa là hoạt động tư pháp của cơ quan nào dưới đây?

A. Viện kiểm sát nhân dân.

B. Tòa án nhân dân.

C. Ủy ban nhân dân.

D. Hội đồng nhân dân.

Câu 20: Buộc tội bị cáo và bảo vệ sự buộc tội trước tòa bằng cách công bố bản cáo trạng là hoạt động tư pháp của cơ quan nào dưới đây?

A. Viện kiểm sát nhân dân.

B. Tòa án nhân dân.

C. Ủy ban nhân dân.

D. Hội đồng nhân dân.

Câu 21: Theo quy định của pháp luật, việc các cơ quan tư pháp tiến hành buộc tội bị cáo và bảo vệ sự buộc tội trước tòa bằng cách công bố bản cáo trạng là thực hiện chức năng nào dưới đây?

A. Thực hành quyền công tố.

B. Kiểm tra hoạt động tư pháp.

C. Kiểm tra hành chính nhà nước.

D. Thực hành quyền hành pháp.

Câu 22: Thực hành quyền công tố trong thi hành pháp luật là hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền của cơ quan nào dưới đây?

A. Chủ tịch nước.

B. Chính phủ.

C. Tòa án nhân dân.

D. Viện kiểm sát nhân dân.

Câu 23: Kiểm tra hoạt động tư pháp là thẩm quyền của cơ quan nào dưới đây?

- A. Chủ tịch nước.
- B. Chính phủ.
- C. Tòa án nhân dân.
- D. Viện kiểm sát nhân dân.

Câu 24: Việc các cơ quan tư pháp tiến hành kiểm tra tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp là thực hiện chức năng nào dưới đây?

- A. Thực hành quyền công tố.
- B. Kiểm sát hoạt động tư pháp.
- C. Thực thi mệnh lệnh tối cao.
- D. Kiểm sát và phân chia quyền lực.

Câu 25: Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan giữ vai trò

- A. Tư pháp
- B. Lập pháp
- C. Hành pháp
- D. Chỉ để xử lý hình sự

Bài 17

Câu 1: Bất kì ai trong điều kiện hoàn cảnh nhất định cũng phải xử sự theo khuôn mẫu được pháp luật quy định phản ánh đặc điểm cơ bản nào của pháp luật?

- A. Tính cưỡng chế.
- B. Tính quyền lực bắt buộc chung.
- C. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
- D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 2: Luật hôn nhân gia đình quy định điều kiện kết hôn giữa nam và nữ áp dụng cho tất cả mọi người, không có ngoại lệ phản ánh đặc điểm cơ bản nào của pháp luật?

- A. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.
- B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
- C. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 3: Phát biểu nào sau đây **là sai** khi nói về vai trò quản lý xã hội của pháp luật?

- A. Vì pháp luật đảm bảo tính công bằng dân chủ.
- B. Vì pháp luật có tính phổ biến bắt buộc chung.
- C. Vì pháp luật bảo đảm phù hợp với lợi ích chung.
- D. Vì pháp luật không bao giờ thay đổi.

Câu 4: Những quy tắc xử sự chung được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi đối với tất cả mọi người là thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính chặt chẽ về hình thức.
- B. Tính kỉ luật nghiêm minh.
- C. Tính quy phạm phổ biến.
- D. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

Câu 5: Những người có hành vi không đúng quy định của pháp luật sẽ bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để buộc họ phải tuân theo. Điều này thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến.
- B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- C. Hiệu lực tuyệt đối.
- D. Khả năng đảm bảo thi hành cao.

Câu 6: Tất cả mọi cá nhân, tổ chức ai cũng phải xử sự theo pháp luật. Điều đó thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính công khai.
- B. Tính dân chủ.
- C. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 7: Luật cơ bản của nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất là gì?

- A. Nghị định.
- B. Chỉ thị.
- C. Hiến pháp.
- D. Thông tư.

Câu 8: Tất cả mọi cá nhân, tổ chức nếu vi phạm pháp luật đều phải bị xử lý như nhau. Điều đó thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính quyền lực bắt buộc chung.
- B. Tính công khai.
- C. Tính dân chủ.
- D. Tính qui phạm phổ biến.

Câu 9: Pháp luật có vai trò như thế nào đối với công dân?

- A. Cưỡng chế mọi nghĩa vụ của công dân.
- B. Bảo vệ mọi nhu cầu, lợi ích của công dân.
- C. Bảo vệ quyền, lợi ích tuyệt đối của công dân.
- D. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Câu 10: Tính quy phạm phổ biến của pháp luật là khuôn mẫu chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người trong đời sống xã hội cho nên nó gắn liền với các

- A. quy tắc bắt buộc chung.
- B. quy tắc xử sự chung.
- C. quy tắc bắt buộc riêng.
- D. quy tắc xử sự riêng.

Câu 11: Văn bản pháp luật phải chính xác, dễ hiểu để người dân bình thường cũng có thể hiểu được là đặc điểm nào sau đây của pháp luật?

- A. Tính quyền lực bắt buộc chung.
- B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
- C. Tính quy phạm phổ biến.
- D. Tính cưỡng chế.

Câu 12: Đặc điểm nào của pháp luật là quy tắc xử sự chung, là khuôn mẫu chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người trong đời sống xã hội?

- A. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
- B. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.
- C. Tính quy phạm phổ biến.
- D. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

Câu 13: Phát biểu nào **sai** khi nói về pháp luật?

- A. Pháp luật do Quốc hội thông qua.
- B. Pháp luật bảo đảm bằng sức mạnh quyền lực của Nhà nước.
- C. Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội thống nhất.
- D. Pháp luật là phương tiện duy nhất để Nhà nước quản lý xã hội.

Câu 14: Đặc điểm nào của pháp luật là ranh giới để phân biệt pháp luật với các loại quy phạm xã hội khác?

- A. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- B. Tính quy phạm phổ biến.
- C. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
- D. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

Câu 15: Việc làm nào dưới đây thể hiện pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lý xã hội?

- A. Kiểm tra các hoạt động kinh doanh của cá nhân.
- B. Tổ cáo nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật.
- C. Đăng ký kinh doanh khi có đủ điều kiện hợp pháp.
- D. Đề nghị xem xét lại quyết định của cơ quan nhà nước.

Câu 16: Căn cứ vào Luật Giao thông đường bộ, cảnh sát giao thông đã xử phạt những người vi phạm để đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Trong những trường hợp này pháp luật đã thể hiện vai trò nào dưới đây?

- A. Là công cụ để bảo vệ trật tự an toàn giao thông.
- B. Là phương tiện để nhà nước quản lý xã hội.
- C. Là công cụ để nhận dân đấu tranh với người vi phạm.
- D. Là phương tiện để nhà nước trừng trị kẻ phạm tội.

Câu 17: Dấu hiệu nào sau đây của pháp luật là một trong những đặc điểm để phân biệt pháp luật với đạo đức

- A. pháp luật không bắt buộc đối với trẻ em.
- B. pháp luật bắt buộc đối với cán bộ công chức.
- C. pháp luật bắt buộc đối với người phạm tội.
- D. pháp luật bắt buộc đối với mọi cá nhân tổ chức.

Câu 18: Pháp luật do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng quyền lực của nhà nước là đặc điểm nào của pháp luật?

- A. tính xác định chặt chẽ về hình thức
- B. tính quy phạm phổ biến
- C. tính quyền lực bắt buộc chung
- D. tính cưỡng chế

Câu 19: Những quy tắc xử sự chung về những việc được làm, những việc phải làm, những việc không được làm, những việc cấm đoán là phản ánh nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Kinh tế.
- B. Đạo đức.
- C. Pháp luật.
- D. Chính trị.

Câu 20: Pháp luật có vai trò như thế nào đối với công dân?

- A. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
- B. Bảo vệ quyền, lợi ích tuyệt đối của công dân.
- C. Cưỡng chế mọi nghĩa vụ của công dân.

D. Bảo vệ mọi nhu cầu, lợi ích của công dân.

Câu 21: Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ

A. lợi ích kinh tế của mình.

B. quyền và nghĩa vụ của mình.

C. các quyền của mình.

D. quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Câu 22: Đặc điểm nào của pháp luật làm nên giá trị công bằng, bình đẳng, vì bất kì ai ở trong điều kiện, hoàn cảnh nhất định cũng phải xử sự theo khuôn mẫu được pháp luật quy định?

A. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

B. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

C. Tính quy phạm phổ biến.

D. Tính quyền lực, bắt buộc chung .

Câu 23: Pháp luật do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh của quyền lực nhà nước. Nhận định này thể hiện đặc điểm nào sau đây của pháp luật?

A. Tính quy phạm phổ biến.

B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

C. Tính quyền lực bắt buộc chung.

D. Tính hiệu lực bắt buộc chung.

Câu 24: Nhờ chị S có hiểu biết về pháp luật nên tranh chấp về đất đai giữa gia đình chị với gia đình anh P đã được giải quyết ổn thỏa. Trường hợp này cho thấy pháp luật đã thể hiện vai trò nào dưới đây?

A. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

B. Bảo vệ quyền tham gia và quản lý xã hội.

C. Bảo vệ quyền và tài sản của công dân.

D. Bảo vệ quyền dân chủ của công dân.

Câu 25: Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng đã quyết định xử phạt việc chị K khi kinh doanh hàng mỹ phẩm không đảm bảo chất lượng. Việc làm của Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

A. Tính kỉ luật nghiêm minh.

B. Tính chặt chẽ về hình thức.

C. Tính quy phạm phổ biến.

D. Tính quyền lực bắt buộc chung.

Câu 26: Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ

A. các quyền của mình.

B. quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

C. lợi ích kinh tế của mình.

D. quyền và nghĩa vụ của mình.

Câu 27: Trên đường phố tất cả mọi người nghiêm chỉnh chấp hành quy định của luật giao thông đường bộ là phản ánh đặc điểm cơ bản nào của pháp luật?

A. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

B. Tính quy phạm phổ biến.

C. Tính quyền lực, bắt buộc chung .

D. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

Câu 28: Phát biểu nào **sai** khi nói về pháp luật?

A. Pháp luật không phù hợp với quyền lợi, nghĩa vụ chung.

B. Pháp luật có tính quy phạm phổ biến trong xã hội.

C. Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội thống nhất.

D. Pháp luật bảo đảm tính công bằng, dân chủ.

Câu 29: Pháp luật là phương tiện để Nhà nước

A. bảo vệ các giai cấp.

B. bảo vệ các công dân.

C. quản lý xã hội.

D. quản lý công dân.

Câu 30: Khi biết chị T mang thai, giám đốc công ty X đã ra quyết định chấm dứt hợp đồng với chị, chị đã làm đơn khiếu nại lên ban giám đốc công ty. Trong trường hợp này, pháp luật có vai trò như thế nào ?

A. Nhà nước quản lý các tổ chức.

B. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

C. Nhà nước quản lý công dân.

D. Thực hiện nghĩa vụ hợp pháp của công dân.

BÀI 18- HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Câu 1: Tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ mật thiết và thống nhất với nhau được sắp xếp thành các ngành luật, chế định pháp luật được gọi là

A. hệ thống pháp luật.

B. hệ thống tư pháp.

C. quy phạm pháp luật.

D. văn bản dưới luật.

Câu 2: Nội dung nào dưới đây là một trong những yếu tố cấu thành cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam?

A. Ngành luật.

B. Pháp lệnh.

C. Nghị định.

D. Quyết định.

Câu 3: Nội dung nào dưới đây là một trong những yếu tố cấu thành cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam?

A. Nghị quyết.

B. Chế định luật.

C. Thông tư.

D. Hướng dẫn.

Câu 4: Nội dung nào dưới đây là một trong những yếu tố cấu thành cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam?

A. Nghị quyết liên tịch.

B. Quy phạm pháp luật.

C. Thông tư liên tịch.

D. Điều lệ Đoàn thanh niên.

Câu 5: Cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam **không** gồm nội dung nào sau đây?

A. Nghị định

B. Ngành luật

C. Chế định luật

D. Quy phạm pháp luật

Câu 6: Những quy tắc xử sự chung do Nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện để điều chỉnh quan hệ xã hội theo định hướng và nhằm đạt được những mục đích nhất định được gọi là

A. quy phạm pháp luật.

B. chế định pháp luật.

C. ngành luật.

D. Nghị định.

Câu 7: Tập hợp các quy phạm pháp luật có cùng tính chất điều chỉnh nhóm quan hệ xã hội tương ứng trong một hoặc nhiều ngành luật được gọi là

A. chế định pháp luật.

B. thông tư liên tịch.

C. nghị quyết liên tịch.

D. quy phạm pháp luật.

Câu 8: Tập hợp các quy phạm pháp luật có đặc tính chung để điều chỉnh các quan hệ xã hội trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội được gọi là

A. Ngành luật.

B. chế định pháp luật.

C. quy phạm pháp luật.

D. cấu trúc pháp luật

Câu 9: Về cấu trúc hệ thống pháp luật bao gồm các ngành luật, các chế định pháp luật và các

A. quy phạm pháp luật.

B. quyết định xử phạt.

C. thông tư liên tịch.

D. nghị quyết liên tịch.

Câu 10: Nội dung nào sau đây thuộc cấu trúc hệ thống pháp luật?

A. chế định pháp luật

B. quy tắc xử sự chung

C. quy định chung ở nhiều nơi

D. áp dụng với tất cả các đối tượng

Câu 11: Về hình thức, hệ thống pháp luật được thể hiện qua các văn bản

A. quy phạm pháp luật.

B. ngành luật.

C. chế định pháp luật.

D. hệ thống pháp luật

Câu 12: Đơn vị nhỏ nhất trong hệ thống pháp luật đó là

A. chế định pháp luật.

B. ngành luật.

C. quy phạm pháp luật.

D. hệ thống pháp luật.

Câu 13: Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, đơn vị nhỏ nhất, là cơ sở, nền tảng để cấu thành nên hệ thống pháp luật chung là

A. quy phạm pháp luật.

B. chế định pháp luật.

C. ngành luật.

D. Hiến pháp.

Câu 14: Các văn bản chứa đựng các quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục pháp luật quy định được gọi là

A. văn bản quy phạm pháp luật.

B. văn bản chế định pháp luật.

C. văn bản hướng dẫn thi hành.

D. văn bản thực hiện pháp luật.

Câu 15: Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phải được thực hiện theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục pháp luật được quy định trong

- A. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- B. Luật hành chính.
- C. Luật tổ tụng hành chính.
- D. Hiến pháp.

Câu 16: Một trong những đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật đó là có chứa

- A. quy phạm pháp luật.
- B. nội dung trái chiều.
- C. tính tự nguyện.
- D. chế định pháp luật.

Câu 17: Một trong những đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật đó là việc ban hành phải được tiến hành theo hình thức, thủ tục do

- A. pháp luật quy định.
- B. người dân thống nhất.
- C. Đại hội thông qua.
- D. Quốc hội ủy quyền.

Câu 18: Văn bản quy phạm pháp luật bao gồm văn bản luật và

- A. văn bản dưới luật.
- B. văn bản trên luật.
- C. văn bản thi hành.
- D. văn bản khảo sát.

Câu 19: Văn bản quy phạm pháp luật bao gồm văn bản dưới luật và

- A. văn bản luật.
- B. hướng dẫn thi hành.
- C. hướng dẫn nội dung.
- D. chế tài xử lý.

Câu 20: Văn bản luật là văn bản do chủ thể nào dưới đây ban hành?

- A. Quốc hội.
- B. Hội đồng nhân dân.
- C. Ủy ban nhân dân.
- D. Đảng Cộng sản.

BÀI 19 – THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

Câu 1: Là người kinh doanh, ông A luôn áp dụng đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường. Vậy, ông A đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

- A. Thi hành pháp luật.
- B. Áp dụng pháp luật.
- C. Sử dụng pháp luật.
- D. Tôn trọng pháp luật.

Câu 2: Phát hiện một cơ sở kinh doanh cung cấp thực phẩm không đảm bảo an toàn vệ sinh, T đã báo với cơ quan chức năng để kiểm tra và kịp thời ngăn chặn. T đã thực hiện hình thức

- A. thi hành pháp luật
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. áp dụng pháp luật.
- D. sử dụng pháp luật.

Câu 3: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Từ chối kê khai thông tin dịch tễ.
- B. Ủy quyền nghĩa vụ bầu cử.
- C. Hỗ trợ việc cấp đổi căn cước.
- D. Hỗ trợ người nhập cảnh trái phép.

Câu 4: Công dân thi hành pháp luật khi

- A. ủy quyền nghĩa vụ bầu cử.
- B. hoàn thiện hồ sơ đăng kiểm.
- C. tìm hiểu thông tin nhân sự.
- D. sàng lọc giới tính thai nhi.

Câu 5: Hành vi nào dưới đây thể hiện công dân sử dụng pháp luật?

- A. Người kinh doanh trốn thuế phải nộp phạt.
- B. Công ty X thực hiện nghĩa vụ đóng thuế theo quy định pháp luật.
- C. Các bên tranh chấp phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình .
- D. Anh A và chị B đến tòa án để li hôn.

Câu 6: Hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây có sự tham gia của cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền?

- A. Sử dụng pháp luật.
- B. Tuân thủ pháp luật.
- C. Áp dụng pháp luật.
- D. Thi hành pháp luật.

Câu 7: Công dân tuân thủ pháp luật khi từ chối

- A. sử dụng vũ khí trái phép.
- B. nộp thuế đầy đủ theo quy định.
- C. bảo vệ an ninh quốc gia.
- D. thực hiện nghĩa vụ bầu cử.

Câu 8: Công dân thi hành pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Thay đổi quyền nhân thân.

C. Bảo trợ người khuyết tật.

B. Bảo vệ Tổ quốc.

D. Hiến máu nhân đạo.

Câu 9: Người kinh doanh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế là hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây?

A. Tuân thủ pháp luật.

C. Sử dụng pháp luật.

B. Áp dụng pháp luật.

D. Thi hành pháp luật.

Câu 10: Khi tham gia vào các quan hệ xã hội, công dân đều xử sự phù hợp với quy định của pháp luật là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Ban hành pháp luật.

C. Phổ biến pháp luật.

B. Giáo dục pháp luật.

D. Thực hiện Pháp luật.

Câu 11: Công dân tuân thủ pháp luật khi từ chối

A. nhận xét ứng cử viên.

C. hỗ trợ cấp đổi căn cước.

B. sử dụng giấy tờ giả.

D. cung cấp thông tin cá nhân.

Câu 12: Hình thức thực hiện nào của pháp luật quy định cá nhân, tổ chức sử dụng đúng các quyền của mình, làm những gì pháp luật cho phép?

A. Sử dụng pháp luật.

C. Tuân thủ pháp luật.

B. Thi hành pháp luật.

D. Áp dụng pháp luật.

Câu 13: Trên đường đi học về, gặp trời mưa to, cháu B học sinh lớp 7 đã chủ động thu dọn rác thải tích tụ tại miệng cống thoát nước để giảm tình trạng ngập úng. Cháu B đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

A. Phổ cập pháp luật.

C. Áp dụng pháp luật.

B. sử dụng pháp luật.

D. Thực thi pháp luật.

Câu 14: Chị Q sử dụng vỉa hè để bán hàng ăn sáng là **không** thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

A. Tuân thủ pháp luật.

C. Áp dụng pháp luật.

B. Thi hành pháp luật.

D. Sử dụng pháp luật.

Câu 15: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Tiếp cận thông tin kinh tế.

C. Đăng nhập thông tin trực tuyến.

B. Làm giả nhãn hiệu hàng hóa.

D. Đăng ký nhập học trước tuổi.

Câu 16: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Hợp tác để làm giả giấy khám bệnh.

C. Ủng hộ công tác phòng chống dịch.

B. Độc lập lựa chọn ứng cử viên.

D. Công khai danh tính người tố cáo.

Câu 17: Anh D là trưởng đoàn thanh tra liên ngành lập biên bản xử phạt và tịch thu toàn bộ số mỹ phẩm giả mà cơ sở T đã sản xuất. Anh D đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

A. Phổ biến pháp luật

B. Sử dụng pháp luật

C. Tuân thủ pháp luật

D. Áp dụng pháp luật

Câu 18: Theo quy định của pháp luật, công dân tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Giao nộp người nhập cảnh trái phép.

B. Đăng ký nghĩa vụ quân sự khi đến tuổi.

C. Tố cáo người nhập cảnh trái phép.

D. Cung cấp thông tin người nhập cảnh trái phép.

Câu 19: Người có thẩm quyền đã áp dụng pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Thay đổi nội dung di chúc.

C. Xóa bỏ các loại cạnh tranh.

B. ủy quyền giao nhận hàng hóa.

D. Thu hồi giấy phép kinh doanh.

Câu 20: Cảnh sát giao thông xử phạt người không đội mũ bảo hiểm. Trong trường hợp này, cảnh sát giao thông đã

A. tuân thủ pháp luật.

B. sử dụng pháp luật.

C. thi hành pháp luật.

D. áp dụng pháp luật.

Câu 21: Cơ quan công chức nhà nước có thẩm quyền ra quyết định xử lý người vi phạm pháp luật là hình thức

A. áp dụng pháp luật. B. sử dụng pháp luật. C. tuân thủ pháp luật. D. thi hành pháp luật.

Câu 22: Hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây có chủ thể thực hiện khác với các hình thức còn lại?

A. Áp dụng PL. B. Sử dụng PL. C. Thi hành PL. D. Tuân thủ PL.

Câu 23: Bạn L viết bài chia sẻ về lí tưởng sống của thanh niên hiện nay để đăng lên trang Web của nhà trường. Bạn L đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

A. Tuân thủ pháp luật. B. Thi hành pháp luật.
C. Áp dụng pháp luật. D. Sử dụng pháp luật.

Câu 24: Cá nhân, tổ chức sử dụng pháp luật tức là làm những gì mà pháp luật

A. cho phép làm. B. quy định phải làm.
C. quy định cho làm. D. không cho phép làm.

Câu 25: Mọi công dân đều có quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh tùy theo khả năng và sở thích của mình là thực hiện pháp luật theo hình thức nào?

A. Áp dụng pháp luật B. Sử dụng pháp luật.
C. Phổ biến pháp luật. D. Tuân thủ pháp luật.

Câu 26: Hình thức thực hiện nào của pháp luật quy định cá nhân, tổ chức chủ động thực hiện nghĩa vụ, không chủ động thực hiện cũng bị bắt buộc phải thực hiện?

A. Thi hành pháp luật. B. Sử dụng pháp luật.
C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

Câu 27: Các cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm là

A. áp dụng pháp luật B. tuân thủ pháp luật C. sử dụng pháp luật D. thi hành pháp luật

Câu 28: Chỉ cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền mới được

A. thi hành pháp luật. B. áp dụng pháp luật. C. tuân thủ pháp luật. D. sử dụng pháp luật.

Câu 29: Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho anh A và chị B là thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

A. Áp dụng pháp luật. B. Phổ biến pháp luật.
C. Tuân thủ pháp luật. D. Giáo dục pháp luật

Câu 30: Công dân thi hành pháp luật khi

A. che giấu người nhập cảnh trái phép. B. đề nghị thay đổi nơi bỏ phiếu.
C. nộp thuế đầy đủ theo quy định. D. từ chối khai báo tạm trú theo quy định.

BÀI 20 – KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VỊ TRÍ CỦA HIẾN PHÁP NƯỚC CHXHCNVN

Câu 1: Hệ thống các quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất quy định những vấn đề cơ bản nhất về chủ quyền quốc gia, chế độ chính trị, chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội, tổ chức quyền lực nhà nước, địa vị pháp lý của con người và công dân là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Hiến pháp. B. Luật hành chính. C. Luật lao động. D. Luật hình sự.

Câu 2: Văn bản pháp luật nào được coi là Luật cơ bản của nhà nước

A. Hiến pháp. B. Luật nhà nước.
C. Luật tổ chức Quốc hội. D. Luật tổ chức Hội đồng nhân dân.

Câu 3: Trong hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, văn bản pháp luật nào có giá trị pháp lý cao nhất?

A. Hiến pháp. B. Luật nhà nước.
C. Luật tổ chức Quốc hội. D. Luật tổ chức Hội đồng nhân dân.

Câu 4: Trong hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp là văn bản pháp luật có giá trị pháp lý

A. cao nhất. B. thấp nhất. C. vĩnh cửu. D. vĩnh viễn

Câu 5: Hiến pháp đầu tiên của nước ta được ban hành vào năm nào?

A. 1946. B. 1945. C. 1947. D. 1950.

Câu 6: Bản Hiến pháp hiện hành của nước ta là năm nào?

A. 2013. B. 1980. C. 1992. D. 2001.

Câu 7: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là văn bản quy phạm pháp luật do

A. Chủ tịch nước ban hành B. Quốc hội ban hành.
C. Thủ tướng chính phủ giới thiệu. D. Mặt trận tổ quốc ban hành

Câu 8: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định những vấn đề

A. cơ bản và quan trọng nhất. B. cơ bản và cụ thể hóa mọi vấn đề.
C. quan trọng nhất đối với ngân sách. D. quan trọng nhất đối với Đảng.

Câu 9: Trong hệ thống các văn bản pháp luật Việt Nam, Hiến pháp được coi là

A. đạo luật cơ bản nhất. B. luật cụ thể nhất.
C. luật dễ thay đổi nhất. D. luật thiếu tính ổn định.

Câu 9: Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, các quy định trong Hiến pháp mang tính

A. tuyên ngôn. B. bất biến. C. kinh tế. D. kinh doanh.

Câu 10: Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, các quy định trong Hiến pháp mang tính

A. cương lĩnh. B. cương quyết. C. thương mại. D. vĩnh cửu.

Câu 11: Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, các quy định trong Hiến pháp mang tính tuyên ngôn, góp phần

A. tăng thu ngân sách. B. tăng tính quyền lực.
C. điều chỉnh chung. D. điều chỉnh cụ thể

Câu 12: Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, vì dựa vào các quy định trong Hiến pháp các luật, pháp lệnh, nghị định và các văn bản dưới luật khác sẽ

A. cụ thể hóa Hiến pháp. B. chỉnh sửa lại Hiến pháp.
C. độc lập với Hiến pháp. D. xa rời nội dung Hiến pháp

Câu 13: Việc Quốc hội ban hành Luật giáo dục năm 2019 để cụ thể hóa một số nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013 là thể hiện đặc điểm nào dưới đây của Hiến pháp

A. Hiến pháp là đạo luật cơ bản của nhà nước.
B. Hiến pháp có hiệu lực pháp lý lâu dài.
C. Hiến pháp có hiệu lực pháp lý tương đối ổn định.
D. Hiến pháp có quy trình sửa đổi đặc biệt

Câu 14: Việc Quốc hội ban hành Luật bảo vệ môi trường để cụ thể hóa một số nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013 là thể hiện đặc điểm nào dưới đây của Hiến pháp?

A. Hiến pháp là đạo luật cơ bản của nhà nước.
B. Hiến pháp có hiệu lực pháp lý lâu dài.
C. Hiến pháp có hiệu lực pháp lý tương đối ổn định.
D. Hiến pháp có quy trình sửa đổi đặc biệt

Câu 15: Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc hội ban hành Bộ luật Lao động năm 2019 là thể hiện đặc điểm nào dưới đây của Hiến pháp?

A. Hiến pháp là đạo luật cơ bản của nhà nước.
B. Hiến pháp có hiệu lực pháp lý lâu dài.
C. Hiến pháp có hiệu lực pháp lý tương đối ổn định.
D. Hiến pháp có quy trình sửa đổi đặc biệt

Câu 16: Nội dung của Hiến pháp quy định về những nội dung cơ bản, quan trọng của đất nước vì vậy hiến pháp có hiệu lực pháp lý

A. cụ thể. B. lâu dài. C. vĩnh viễn. D. vĩnh cửu.

Câu 17: Nội dung của Hiến pháp quy định về những nội dung cơ bản, quan trọng của đất nước vì vậy nội dung của Hiến pháp mang tính

A. tương đối ổn định. B. tương trưng lâu dài.

C. cố định và ổn định.

D. ổn định và bất biến.

Câu 18: Trong lịch sử lập hiến, nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành các bản Hiến pháp nào dưới đây?

A. Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992, 2013.

B. Hiến pháp 1946, 1960, 1980, 1992, 2013.

C. Hiến pháp 1946, 1959, 1981, 1992, 2013.

D. Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1993, 2013

3. Tình huống tham khảo

Bà A và bà D cùng hoàn thiện hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền và được cấp phép kinh doanh thực phẩm tươi sống theo quy định. Sau một thời gian hoạt động, hai cơ sở kinh doanh đã có hành vi xả chất thải chưa qua xử lý gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân xung quanh nên bị người dân làm đơn tố cáo tới cơ quan chức năng. Là người nhà của bà D nên khi cùng đoàn kiểm tra đến xử lý vi phạm của ba cơ sở kinh doanh trên, ông N trưởng đoàn chỉ lập biên bản nhắc nhở đối với cơ sở kinh doanh của bà D và xử phạt bà A. Bà A thắc mắc và gửi đơn lên ông T là giám đốc cơ quan ông N để giải quyết.

a/ Việc bà A và bà D cùng hoàn thiện hồ sơ để được cấp phép hoạt động kinh doanh thực phẩm tươi sống là đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào? Cơ sở để xác định hình thức thực hiện pháp luật đó?

- Sử dụng pháp luật.

- Vì đăng kí kinh doanh là quyền của công dân.

b/ Hành vi xả chất thải chưa qua xử lý ra môi trường của bà A và bà D là chưa thực hiện pháp luật ở hình thức nào? Cơ sở để xác định hình thức thực hiện pháp luật đó?

- Chưa thi hành và chưa tuân thủ.

- Chưa thi hành: chưa thực hiện nghĩa vụ bảo vệ môi trường đối với các chủ thể khi tham gia kinh doanh; Chưa tuân thủ: xả chất thải chưa xử lý ra môi trường là hành vi bị pháp luật cấm.

c/ Việc làm của chủ thể nào trong thông tin trên là biểu hiện của hình thức áp dụng pháp luật? Cơ sở để xác định hình thức thực hiện pháp luật đó?

- ông N áp dụng pháp luật

- ông N lập biên bản xử phạt bà A và nhắc nhở bà D.